

Số: **63/2011/QĐ-UBND**

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, ấp, khu phố thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2011/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thông qua tại kỳ họp thứ 2 khóa V nhiệm kỳ 2011 - 2016 về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, ấp, khu phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh tại Tờ trình số 781/TTr-SNV ngày 04 tháng 10 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, ấp, khu phố thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quy định gồm có 6 chương 11 điều.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Minh Sanh

QUY ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về số lượng, chức danh và một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và thôn, ấp, khu phố thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.
- Những người hoạt động không chuyên trách thôn, ấp, khu phố.

CHƯƠNG II

SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ VÀ THÔN, ẤP, KHU PHỐ

Điều 3. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

1. Số Lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ và quy định tại Nghị đmh số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn như sau:

- Đơn vị hành chính cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 22 người;
- Đơn vị hành chính cấp xã loại 2 được bố trí tối đa không quá 20 người;
- Đơn vị hành chính cấp xã loại 3 được bố trí tối đa không quá 19 người;

2. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

Bố trí những người hoạt động không chuyên trách trong số các chức danh dưới đây, nhưng tổng số không quá số lượng quy định cho một đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo

công việc nào cũng có người phụ trách nhưng không chồng chéo, khuyến khích bố trí kiêm nhiệm nhằm nâng cao thu nhập, sử dụng được người có năng lực, có uy tín với cơ sở, gồm các chức danh sau:

Các chức danh khối Đảng, Mặt trận, Đoàn thể:

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân.
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Ủy viên thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi.
- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.
- Cán bộ Tổ chức.
- Cán bộ Kiểm tra.
- Cán bộ Tuyên giáo.
- Cán bộ Dân vận.
- Cán bộ Văn phòng Đảng ủy.

Các chức danh khối chính quyền.

- Thống kê xã, phường, thị đội.
- Giao thông, thủy lợi ...
- Đô thị xây dựng ...
- Thủy sản, nông, lâm, diêm nghiệp.
- Thương mại - dịch vụ.
- Tổ chức nhà nước - thi đua khen thưởng.
- Tôn giáo - dân tộc.
- Lao động thương binh và xã hội.
- Địa chính - môi trường.
- Văn hóa, thể thao, du lịch.
- Truyền thanh.
- Giao vận hồ sơ, thủ tục hành chính "một cửa".
- Thủ quỹ văn thư, lưu trữ.

Điều 4. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách thôn, ấp, khu phố.

a) Mỗi thôn, ấp, khu phố được bố trí 03 người hoạt động không chuyên trách gồm các chức danh sau:

- + Bí thư chi bộ;
- + Trưởng thôn, ấp, khu phố;
- + Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố;

b) Hỗ trợ bố trí người làm công tác đoàn thể ở thôn, ấp, khu phố:

- Phó Bí thư chi bộ.
- Phó thôn, ấp, khu phố.
- Bí thư đoàn Thanh niên.
- Chi hội trưởng Nông dân.
- Chi hội trưởng Phụ nữ.
- Chi hội trưởng Cựu chiến binh.

CHƯƠNG III

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ VÀ THÔN, ẤP, KHU PHỐ

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Mức phụ cấp:

- Phụ cấp hàng tháng:

Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn được hưởng mức phụ cấp bằng 1,0 mức lương tối thiểu chung (hiện là 830.000 đồng). Khi Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu chung thì mức phụ cấp đối với các đối tượng này cũng được điều chỉnh theo.

- Phụ cấp kiêm nhiệm: vận dụng thực hiện tương tự như cán bộ, công chức cấp xã theo Điều 10, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP. Cụ thể những người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm chức danh cán bộ không chuyên trách khác, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì ngoài tiền phụ cấp được hưởng theo quy định, hàng tháng được hưởng thêm mức phụ cấp bằng 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Khi thôi kiêm nhiệm chức danh khác thì thôi hưởng phụ cấp kiêm nhiệm kể từ tháng sau liền kề với tháng thôi giữ chức danh kiêm nhiệm. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là những người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp, mất sức lao động ngoài lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hiện hưởng, hàng tháng được hưởng phụ cấp bằng 90% của phụ cấp chức danh đang đảm nhiệm và không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế:

Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Chế độ trợ cấp khuyến khích:

Tiếp tục tác hiện chế độ trợ cấp khuyến khích người có trình độ cao đẳng, đại học công tác tại xã, phường thị trấn theo Quyết định số 28/5/2006/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Khoản chi hành chính đối với đoàn thể ở cấp xã:

Áp dụng định mức khoản chi hành chính cho các tổ chức đoàn thể (Ủy ban MTTQ, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân) là: 34 triệu đồng/01 định xuất năm.

5. Hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

Hỗ trợ cho tất cả các chức danh của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã với mức hỗ trợ là 0,86 (mức lương tối thiểu chung).

6. Hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách sau khi bố trí, sắp xếp dôi dư:

Hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ dôi dư thì mỗi năm công tác được hưởng hỗ trợ bằng một tháng phụ cấp hiện hưởng (mức lương tối thiểu chung).

Điều 6. Chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách thôn, ấp, khu phố.

1. Mức phụ cấp:

- Phụ cấp hàng tháng:

- Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố (Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, ấp, khu phố; Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố) được hưởng mức phụ cấp bằng 1,0 mức lương tối thiểu chung (hiện là 830.000 đồng). Khi Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu chung thì mức phụ cấp đối với các đối tượng này cũng được điều chỉnh theo.

- Phụ cấp kiêm nhiệm: vận dụng thực hiện tương tự như cán bộ, công chức cấp xã theo Điều 10, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP. Cụ thể những người hoạt động không chuyên trách thôn, ấp, khu phố kiêm nhiệm chức danh cán bộ không chuyên trách khác, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì ngoài tiền phụ cấp được hưởng theo quy định, hàng tháng được hưởng thêm mức phụ cấp bằng 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Khi thôi kiêm nhiệm chức danh khác thì thôi hưởng phụ cấp kiêm nhiệm kể từ tháng sau liền kề với tháng thôi giữ chức danh kiêm nhiệm. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Hỗ trợ khoán kinh phí hoạt động đối với thôn, ấp, khu phố:

Khoán kinh phí hoạt động cho mỗi thôn, ấp, khu phố là: 10.000.000 triệu đồng/thôn, ấp, khu phố/năm.

3. Hỗ trợ người làm công tác đoàn thể ở thôn, ấp, khu phố:

Đối với người làm công tác đoàn thể ở thôn, ấp, khu phố được hưởng trợ cấp 0,6 tính trên mức lương tối thiểu chung.

CHƯƠNG IV

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG CÔNG AN VÀ QUÂN SỰ VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH KHÁC

Điều 7. Một quy định đối với lực lượng Công an.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

1. Số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên được quy định như sau:

a) Mỗi xã được bố trí 01 Phó trưởng Công an xã, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 02 Phó trưởng Công an xã.

b) Mỗi thôn, ấp và đơn vị dân cư tương đương được bố trí 01 Công an viên. Đối với thôn, ấp và đơn vị dân cư tương đương thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 02 Công an viên.

c) Trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã được bố trí không quá 03 Công an viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ hàng ngày.

2. Mức phụ cấp

a) Mức phụ cấp hàng tháng đối với Phó trưởng Công an xã, Công an viên thường trực tại trụ sở Công an xã bằng 1,0 mức lương tối thiểu chung (hiện là 830.000 đồng) và các chế độ khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

Ngoài mức phụ cấp theo hệ số 1,0 mức lương tối thiểu chung theo quy định, hỗ trợ trợ cấp của địa phương đối với Phó trưởng Công an xã, Công an viên thường trực tại trụ sở công an xã với mức hỗ trợ là 0,86 (mức lương tối thiểu chung).

b) Mức phụ cấp hàng tháng đối Công an viên ở thôn, ấp được hưởng mức phụ cấp bằng 1,0 mức lương tối thiểu chung (hiện là 830.000 đồng).

Khi Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu chung thì mức phụ cấp đối với các đối tượng này cũng được điều chỉnh theo.

Điều 8. Một số quy định đối với lực lượng quân sự.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ.

1. Số lượng Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự được quy định như sau:

a) Xã, phường, thị trấn được bố trí 0 Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự xã; xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh, xã loại 1, xã loại 2 được bố trí không quá 02 Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự xã.

b) Mỗi thôn, ấp và đơn vị tương đương được bố trí 01 thôn, ấp đội trưởng.

2. Mức phụ cấp:

a) Mức phụ cấp hàng tháng đối với Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự xã bằng 1,0 mức lương tối thiểu chung (hiện là 830.000 đồng) và các chế độ khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

Ngoài mức phụ cấp theo hệ số 1,0 mức lương tối thiểu chung theo quy định hỗ trợ trợ cấp của địa phương đối với Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự với mức hỗ trợ là 0,86 (mức lương tối thiểu chung).

b) Mức phụ cấp hàng tháng đối thôn, ấp đội trưởng được hưởng mức phụ cấp bằng 1,0 mức lương tối thiểu chung (hiện là 830.000 đồng).

Khi Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu chung thì mức phụ cấp đối với các đối tượng này cũng được điều chỉnh theo.

Điều 9. Một số quy định đối với các chức danh khác.

1. Chuyên các chức danh cán bộ chuyên môn nhà văn hóa hoặc trung tâm, tụ điểm văn hóa về các chương trình, đề án của ngành để thực hiện nhiệm vụ theo chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chuyên chức danh cán bộ xóa đói giảm nghèo để thực hiện theo chương trình, đề án giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh phê duyệt chương trình giảm nghèo của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2010 - 2015).

3. Thực hiện hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật lao động đối với các chức danh: nhân viên tạp vụ cơ quan xã, phường, thị trấn; nhân viên bảo vệ cơ quan xã, phường, thị trấn (kể cả nhân viên bảo vệ nhà văn hóa hoặc trung tâm, tụ điểm văn hóa).

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN CHI TRẢ

Điều 10

1. Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, ấp, khu phố được ngân sách trung ương hỗ trợ theo mức bình quân bằng 2/3 so với mức lương tối thiểu chung cho mọi người hoạt động không chuyên trách, còn lại 1/3 là từ ngân sách tỉnh.

2. Các chế độ, chính sách khác đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, ấp, khu phố thực hiện theo quy định của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ.

Các chế độ, chính sách khác đối với lực lượng Công an và lực lượng Quân sự thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

3. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi nghỉ việc (không phải bị buộc thôi việc) thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11.

1. Trên cơ sở chức danh đã được HĐND tỉnh quyết nghị, trong quá trình tổ chức thực hiện và thực tế tình hình hoạt động của xã, phường, thị trấn, UBND các huyện, thị xã thành phố xem xét điều chỉnh, bố trí chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phù hợp với từng địa phương nhưng không vượt quá số lượng quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sở Nội vụ, Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính cân đối kinh phí thực hiện chế độ, chính sách do ngân sách địa phương đảm bảo theo Quy định này, hướng dẫn và kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố thực hiện.

4. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, kiểm tra UBND các xã, phường, thị trấn việc thực hiện chế độ, chính sách theo Quy định này, tổng hợp báo cáo về Sở Nội vụ, Sở Tài chính theo quy định./.